

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2017

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hổ
Bà Nguyễn Thị Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Sum – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Xa Riêng-Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 199/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trần Thị C, sinh năm 1964;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố H, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

Nơi cư trú: Đường CTK, Khu phố BA2, Phường B, thành phố TA, tỉnh Long An;

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1960;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố H, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu H tự nguyện kết hôn và sống với nhau vào năm 1983 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/4/2009. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường xuyên đánh bài gây nợ và nhiều lần nhiều người đến đòi nợ bà phải trả nợ nếu bà không có tiền trả thì mẹ chồng bà phải trả cho người ta. Ngoài ra ông H thường xuyên uống rượu rồi về nhà kiểm chuyện chửi và cầm dao rượt đuổi dọa chém mẹ con bà. Bà và gia đình có khuyên can ông H nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi. Vào năm 2016 bà đã làm đơn xin ly hôn ông H tại Tòa án nhân dân thành phố BT nhưng bà đã rút đơn vì muốn cho ông H sửa đổi và hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên ông H vẫn không thay đổi mà mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng hơn Bà đã cùng con trai đi về quê bà ở tỉnh Long An sinh sống và đã ly thân từ tháng 03/2017 cho đến nay. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H

Quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thanh N, sinh ngày 26/4/1984(đã trưởng thành) và Nguyễn Trần Minh T, sinh ngày 14/8/2001. Sau khi ly hôn Bà C trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Nguyễn Trần Minh T. Bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không có.

Người bị kiện: Ông Nguyễn Hữu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H cho rằng ông còn thương vợ và đề nghị cho ông cơ hội để ông hàn gắn gia đình ông, ông sẽ sửa chữa tật xấu của mình. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Trần Minh T và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử. Về quan điểm giải quyết vụ án thấy rằng: Mâu thuẫn giữa bà C và ông H thực tế đã xảy ra, năm 2016 bà đã làm đơn xin ly hôn ông H nhưng vì muốn cho ông H sửa đổi và hàn gắn lại hạnh phúc gia đình nên bà rút đơn xin ly hôn nhưng sau đó ông H vẫn không thay đổi. Tại phiên tòa ông H đề nghị cho ông cơ hội hàn gắn nhưng ông không đưa ra một biện pháp hàn gắn nào để có thể hàn gắn lại cuộc sống gia đình ông. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà C và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại Phường B, thành phố BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố BT theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên hòa giải nhiều lần nhưng ông H vẫn không đến nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

[3]Bà Trần Thị C và ông Nguyễn Hữu H cưới và sống với nhau vào năm 1983 nhưng không có đăng ký kết hôn với nhau. Đến ngày 20/4/2009 bà và ông H đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Quan hệ hôn nhân của bà C và ông H được công nhận kể từ ngày 01/3/1983. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc, nhưng sau đó ông H thường xuyên đánh bài gây nợ, bà hoặc mẹ chồng bà phải trả nợ cho người ta nhiều lần. Ngoài ra ông H còn thường xuyên uống rượu rồi về nhà kiêu chuyện chửi và cầm dao rượt đuổi dọa chém mẹ con bà. Vào năm 2016 bà đã làm đơn xin ly hôn ông H tại Tòa án nhân dân thành phố BT nhưng vì muốn cho ông H sửa đổi và hàn gắn lại hạnh phúc gia đình nên bà rút đơn xin ly hôn nhưng sau đó ông H vẫn không thay đổi mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà và gia đình có khuyên can ông H nhiều lần nhưng không thay đổi nên bà đã cùng con trai bà đi về quê ở tỉnh Long An sinh sống và đã ly thân từ tháng 03/2017 cho đến nay. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa bà C với ông H thực tế đã xảy ra, bà C đã làm đơn yêu cầu Tòa án cho ly hôn, Tòa án đã mời ông H đến hòa giải nhiều lần nhưng ông H vẫn không đến. Tại phiên tòa, ông H không đồng ý ly hôn vì cho rằng ông còn thương vợ con và đề nghị Tòa án cho ông cơ hội để hàn gắn gia đình ông, ông hứa sẽ sửa chữa tật xấu của mình. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Trần Minh T và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên ông H không đưa ra một biện pháp hàn gắn nào để có thể hàn gắn lại cuộc sống gia đình ông. Trong khi ông H thừa nhận vào năm 2016 bà C đã làm đơn xin ly hôn với ông và bà C cũng đã cho ông cơ hội hàn gắn gia đình nên đã rút đơn xin ly hôn nhưng đến nay mâu thuẫn vợ chồng ông vẫn không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng hơn. Bà C và con ông đã bỏ về quê bà ở tỉnh Long An để sinh sống từ tháng 3/2017 đến nay, ông cũng không biết nơi ở hiện nay của vợ con ông. Ngoài ra, qua xác minh tại địa phương thì ông H thường xuyên uống rượu, từ khi bà C nộp đơn khởi kiện đến nay bà C đã bỏ nhà đi thỉnh thoảng mới về nhà. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà C và ông H đã xảy ra và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C.

[5] Quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thanh N, sinh ngày 26/4/1984(đã trưởng thành) và Nguyễn Trần Minh T, sinh ngày 14/8/2001. Hội đồng xét xử thấy rằng: bà C và cháu Trung đã bỏ nhà đi về quê ở tỉnh Long An sinh sống và hiện nay bà C cũng đã chuyên trường cho cháu T về học lớp 10 tại tỉnh Long An. Cháu T cũng có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn cháu T được sống chung với mẹ. Mặc khác, trong khi ông H có yêu cầu được nuôi cháu T nhưng Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình chung sống với bà C và cháu T, ông đã từng cầm dao rượt dọa chém bà C và cháu T nên Hội đồng xét xử thấy rằng sau khi ly hôn bà C được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Minh T là phù hợp. Ghi nhận bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[6]Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]Về nợ chung: bà C, ông H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thị C phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các Điều 28 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị C, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân:* Bà Trần Thị C được ly hôn ông Nguyễn Hữu H

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thanh N, sinh ngày 26/4/1984(đã trưởng thành) và Nguyễn Trần Minh T, sinh ngày 14/8/2001. Sau khi ly hôn bà Trần Thị C được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Minh T, sinh ngày 14/8/2001. Ghi nhận bà Trần Thị C không yêu cầu ông Nguyễn Hữu H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hữu H được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết

- *Về nợ chung*: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm ngàn)đồng, bà Trần Thị C phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010797 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP BT;
- Chi cục THADS TP BT;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hồ

Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Thị Đoan Trang